

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đầu tư: 23 Thủ tục
01	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
02	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
03	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
04	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.
05	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.
06	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
07	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh mục tiêu, địa điểm, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư</i>).
08	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh mục tiêu, địa điểm, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư</i>).
09	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (<i>áp dụng trong các trường hợp: Thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư; địa điểm, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư</i>).

STT	Tên thủ tục hành chính
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.
11	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
12	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư</i>).
13	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>).
14	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</i>).
15	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>).
16	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>).
17	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.
18	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.
19	Nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
20	Giãn tiến độ đầu tư.
21	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
22	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
23	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
II	Lĩnh vực lao động: 06 thủ tục
01	Đăng ký nội quy lao động của Doanh nghiệp.
02	Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp.
03	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày.
04	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
05	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
06	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động tại Việt Nam.
III	Lĩnh vực thương mại: 06 thủ tục
01	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

STT	Tên thủ tục hành chính
02	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng, đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
03	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
04	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
05	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
06	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa - Mẫu D.
IV	Lĩnh vực đất đai: 01 thủ tục
01	<i>Giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất (đối với quỹ đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum).</i>
V	Lĩnh vực xây dựng: 11 thủ tục
01	Thẩm định thiết kế cơ sở <i>(theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm d, khoản 4, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND).</i>
02	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thuộc báo cáo kinh tế-kỹ thuật <i>(theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm d, khoản 4, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND).</i>
03	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình triển khai sau thiết kế cơ sở <i>(theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm d, khoản 4, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND).</i>
04	Cấp Giấy phép xây dựng mới <i>(đối với công trình không theo tuyến).</i>
05	Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án.
06	Cấp Giấy phép xây dựng <i>(đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình).</i>
07	Cấp Giấy phép xây dựng <i>(đối với trường hợp di dời công trình).</i>
08	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn.
09	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng.
10	Gia hạn Giấy phép xây dựng.
11	Cấp lại Giấy phép xây dựng.